

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THỰC HIỆN GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Trần Phú Hào^{1*}, Phạm Minh Giản² và Phạm Hữu Ngãi³

¹Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

³Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tương Lai, Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Trần Phú Hào, Email: tranphuhao83@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 05/7/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 02/9/2024; Ngày duyệt đăng: 08/9/2024

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trên tinh thần đó, nhóm tác giả tiến hành khảo sát 81 cán bộ quản lý, 669 giáo viên thuộc các trường trung học phổ thông trên đây, với thang đo Likert 4 mức độ, kết quả được xử lý bằng ứng dụng SPSS 22.0 để tính giá trị trung bình, độ lệch chuẩn. Nội dung bài báo nghiên cứu: Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về đặc điểm nhân cách và yêu cầu phẩm chất, năng lực của học sinh các trường trung học phổ thông; Nhận thức vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động giáo dục hướng nghiệp của giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp; Thực trạng đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp và tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp.

Từ khóa: Đội ngũ giáo viên, giáo dục hướng nghiệp, trung học phổ thông, Đồng bằng sông Cửu Long.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1316>

Trích dẫn: Trần, P. H., Phạm, M.G., & Phạm, H. N. (2024). Thực trạng đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(01S), 227-238. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1316>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**CURRENT STATUS OF TEACHERS
IMPLEMENTING CAREER EDUCATION
FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN THE MEKONG DELTA
UNDER THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM**

Tran Phu Hao^{1*}, Pham Minh Gian², and Pham Huu Ngai³

¹*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

³*Future Primary, Middle and High School, Dong Thap, Vietnam*

*Corresponding author: Tran Phu Hao, Email: tranphuhao83@gmail.com

Article history

Received: 05/7/2024; Received revised from: 02/9/2024; Accepted: 08/9/2024

Abstract

This study aims to assess the current situation of teachers implementing vocational education for high school students in the Mekong Delta. To that end, the authors conducted a 4-level scale survey of 81 managers and 669 teachers. The results were processed by the SPSS 22.0 application to calculate the average value and standard deviation. This paper covers three themes of 1. Awareness of administrators, teachers, and parents of students about personality characteristics and quality and capacity requirements of high school students; 2. Identifying the position, role, functions, tasks and characteristics of vocational education activities of vocational education teachers; 3. The current status of meeting professional standards and professional title standards of teachers implementing vocational education.

Keywords: *High school, Mekong Delta, teaching staff, vocational education.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) trong trường phổ thông có mục đích là hình thành khả năng tự chủ trong việc lựa chọn nghề của học sinh (HS) trên cơ sở phù hợp giữa năng lực, sở thích của HS. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, yêu cầu phát triển năng lực đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 luôn được các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu (Thủ tướng chính phủ, 2018). Theo đó, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên (ĐNGV) thực hiện GDHN cho HS các trường trung học phổ thông (THPT) để các em chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống sau khi tốt nghiệp THPT, cũng như chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành và trở thành lực lượng lao động (Abubakar, 2018) là cần thiết và tiến hành khẩn trương.

Để tổ chức lực lượng nhà giáo tham gia thực hiện GDHN, trong bài viết này tác giả trước hết tiếp cận lý thuyết phát triển nguồn nhân lực của Nadler và Nadler (1989) gồm 3 nhiệm vụ chính: (1) Phát triển nguồn nhân lực (gồm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, nghiên cứu, phục vụ); (2) Sử dụng nguồn nhân lực (gồm tuyển dụng, sàng lọc, bố trí, đánh giá, đãi ngộ, kế hoạch hoá sức lao động); (3) Môi trường nguồn nhân lực (gồm mở rộng chủng loại làm việc, mở rộng quy mô làm việc, phát triển tổ chức). Thứ hai, nhận thức sâu sắc GDHN là một hoạt động giáo dục được tiến hành với mục đích giúp HS hiểu biết, làm quen một số nghề phổ biến tại cộng đồng; được hướng dẫn và bồi dưỡng năng lực chọn nghề thích hợp, cũng như động viên các em theo học ngành nghề xã hội có nhu cầu (Đặng, 2010). Thứ ba, tác giả áp dụng nghiêm túc Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về (Chuẩn nghề nghiệp) CNN GV cơ sở GDPT và Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (CDNN) GV THPT công lập. Thông tư 07/22/TT-BGDĐT “Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục” đã xác định nhiệm vụ của công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm đối với các cấp phổ thông.

Công tác GDHN, phân luồng HS rất cần thiết, mục đích thực hiện GDHN trong trường phổ thông là hình thành cho các em khả năng tự chủ trong việc lựa chọn nghề của HS trên cơ sở của sự phù hợp giữa năng lực và sở thích cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động trong các hoạt động của đời sống xã hội (Trần, 2023). Quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 nói chung và môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nói riêng ở các trường THPT vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) những năm học vừa qua đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên đã bộc lộ không ít hạn chế và bất cập, có thể khái quát như sau: ĐNGV tham gia giảng dạy môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại nhiều trường THPT không được đào tạo, số đông chỉ được tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn; Hoạt động GDHN thiếu đầu tư nhân lực, vật lực đáp ứng yêu cầu môn học theo Chương trình GDPT 2018, phổ biến các trường THPT hướng nghiệp cho HS thông qua hoạt động ngoại khóa, tham quan làng nghề ở địa phương, tham gia ngày hội Hướng nghiệp và tư vấn nghề, Ngày hội việc làm... Mặt khác, có một thực tế, theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT), việc đãi ngộ đối với ĐNGV giảng dạy GDHN còn bất cập, việc thực thi chế độ thừa giờ cho GV các trường THPT vùng ĐBSCL không đồng nhất.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL, chúng tôi tiến hành khảo sát qua ý kiến của 81 CBQL, 699 GV, tại 27 trường THPT của 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL (mỗi tỉnh, thành phố chọn từ 2 đến 3 trường; một trường ở địa bàn đô thị, một trường ở nông thôn và trường nơi có nhiều người dân tộc sinh sống).

Phương pháp được sử dụng trong khảo sát là: điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu. Kết quả khảo sát được xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0 để xử lý và phân tích số liệu từ phiếu khảo sát thu thập được (số lượng, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn) với thang đo đánh giá Likert 4 mức độ từ 1 đến 4. Khoảng cách giữa các thang đo là 0,75 được tính theo công thức $[(\max - \min)/n]$. Như vậy, thang đo gồm bốn mức sau:

| TT | Điểm trung bình | Mức độ thực hiện | Mức độ cần thiết | Mức độ ảnh hưởng | Mức độ quan trọng |
|----|-----------------|------------------|------------------|------------------|-------------------|
| 1 | 1,00-1,75 | Chưa đạt | Không cần thiết | Không ảnh hưởng | Không quan trọng |
| 2 | 1,76-2,50 | Trung bình | Ít Cần thiết | Ít ảnh hưởng | Ít quan trọng |
| 3 | 2,51-3,25 | Khá | Cần thiết | Ảnh hưởng | Quan trọng |
| 4 | 3,26-4,00 | Tốt | Rất cần thiết | Rất ảnh hưởng | Rất quan trọng |

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về đặc điểm nhân cách và yêu cầu phẩm chất, năng lực của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

3.1.1. *Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về đặc điểm nhân cách chủ yếu của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Bảng 1. Kết quả nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về đặc điểm nhân cách chủ yếu của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Đặc điểm nhân cách chủ yếu của HS THPT | Mức độ nhận thức của | | | | | | | | |
|------------------|---|----------------------|------|----|-------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | | CMHS | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Sự phát triển tự ý thức | 2,60 | 0,64 | 3 | 2,71 | 0,66 | 2 | 2,78 | 0,67 | 3 |
| 2 | Sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan | 2,58 | 0,73 | 4 | 2,56 | 0,72 | 4 | 2,56 | 0,28 | 4 |
| 3 | Xu hướng nghề nghiệp | 2,98 | 0,57 | 1 | 2,68 | 0,61 | 3 | 2,80 | 0,66 | 2 |
| 4 | Hoạt động giao tiếp học đường | 2,69 | 0,74 | 2 | 3,45 | 0,57 | 1 | 2,86 | 0,57 | 1 |
| ĐTB chung | | 2,71 | | | 2,85 | | | 2,75 | | |

Kết quả khảo sát cho thấy có 4 đặc điểm nhân cách chủ yếu HS THPT được tác giả sử dụng khảo sát mức độ nhận thức của CBQL, GV và CMHS. Kết quả ĐTB chung mức độ nhận thức lần lượt của ba nhóm khách thể khảo sát là 2,71, 2,85 và 2,75 (cả ba con số này đều > 2,51 và < 3,25) biểu đạt mức độ nhận thức chung về 4 đặc điểm nhân cách chủ yếu HS THPT là “Khá thông hiểu”, trong đó ĐTB chung về nhận thức của ĐNGV là 2,85 cao hơn ĐTB mức độ nhận thức của CMHS (2,75) và CBQL (2,71).

Đối với CBQL, ĐTB mức độ nhận thức về đặc điểm “Xu hướng nghề nghiệp” là 2,98, con số này phản ánh kết quả nhận thức của CBQL đạt “Khá thông hiểu”; trái lại, với đặc điểm “Sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan” có ĐTB chỉ là 2,58 cao hơn điểm quy ước (2,51), theo đó chỉ ra đặc điểm “Sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan” đội ngũ CBQL nhận thức cao hơn mức “Thông hiểu” không nhiều! và tương tự, hai đặc điểm “Sự phát triển tự ý thức”, “Hoạt động giao tiếp học đường” cũng chỉ nhỉnh hơn mức “Thông hiểu” đôi chút.

Đối với ĐNGV, ĐTB mức độ nhận thức về đặc điểm “Hoạt động giao tiếp học đường” là 3,45 - con số này khá ấn tượng, cho thấy kết quả nhận thức của ĐNGV đạt mức “Thông hiểu sâu sắc” (> 3,25 điểm quy ước); trong khi đó, cũng giống mức độ nhận thức của CBQL, đặc điểm “Sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan” ĐTB chỉ là 2,56 gần bằng điểm quy ước (2,51), con số này phản ánh nhận thức của ĐNGV đạt mức “Khá thông hiểu” và cao hơn mức “Thông hiểu” không nhiều!; tương tự hai đặc điểm còn lại đặc điểm “ Sự phát triển tự ý thức” và “Xu hướng nghề nghiệp” cũng chỉ nhỉnh hơn mức “Thông hiểu” đôi chút.

Tuy nhiên cũng đã chỉ ra yêu cầu cần tiếp tục nâng cao nhận thức đặc điểm “Sự phát triển của tự ý thức” và “Sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan” chưa được CBQL, GV và CMHS đánh giá đúng với lý luận tâm lý giáo dục học lứa tuổi thanh thiếu niên.

3.1.2. *Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về yêu cầu phẩm chất và năng lực của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Bảng 2. Kết quả nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về yêu cầu phẩm chất và năng lực của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS | Mức độ nhận thức của | | | | | |
|---|---|----------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| Các phẩm chất chủ yếu của HS THPT | | | | | | | |
| 1 | Yêu nước | 2,54 | 0,82 | 4 | 2,68 | 0,69 | 2 |
| 2 | Nhân ái | 2,78 | 0,49 | 1 | 2,96 | 0,68 | 1 |
| 3 | Chăm chỉ | 2,66 | 0,52 | 3 | 2,49 | 0,82 | 5 |
| 4 | Trách nhiệm | 2,56 | 0,65 | 5 | 2,51 | 0,77 | 4 |
| 5 | Trung thực | 2,73 | 0,59 | 2 | 2,61 | 0,50 | 3 |
| ĐTB chung của phẩm chất | | 2,65 | | | 2,65 | | |
| Những năng lực chung đối của HS THPT | | | | | | | |
| 1 | Năng lực tự chủ và tự học | 2,27 | 0,48 | 3 | 2,25 | 0,64 | 2 |
| 2 | Năng lực giao tiếp và hợp tác | 2,69 | 0,45 | 1 | 2,59 | 0,45 | 1 |
| 3 | Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo | 2,34 | 0,47 | 2 | 2,22 | 0,49 | 3 |
| ĐTB chung của năng lực | | 2,43 | | | 2,35 | | |
| Những năng lực đặc thù của HS THPT | | | | | | | |
| 1 | Năng lực ngôn ngữ | 2,88 | 0,36 | 3 | 2,68 | 0,72 | 5 |
| 2 | Năng lực tính toán | 2,63 | 0,42 | 6 | 2,82 | 0,38 | 3 |
| 3 | Năng lực khoa học | 2,94 | 0,24 | 1 | 2,89 | 0,73 | 1 |
| 4 | Năng lực công nghệ | 2,68 | 0,58 | 5 | 2,23 | 0,57 | 7 |
| 5 | Năng lực tin học | 2,81 | 0,40 | 4 | 2,27 | 0,49 | 6 |
| 6 | Năng lực thẩm mỹ | 2,54 | 0,46 | 7 | 2,73 | 0,58 | 4 |
| 7 | Năng lực thể chất | 2,89 | 0,53 | 2 | 2,84 | 0,38 | 2 |
| ĐTB chung của năng lực đặc thù | | 2,77 | | | 2,64 | | |
| ĐTB chung phẩm chất và năng lực | | 2,62 | | | 2,55 | | |

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ nhận thức của CBQL và GV về 3 nội dung: *Các phẩm chất chủ yếu của HS THPT; Những năng lực chung đối với HS THPT; Những năng lực đặc thù đối với HS THPT*. Thông qua con số ĐTB và ĐLC giúp tác giả đề tài có được dữ liệu thực trạng thông hiểu của CBQL và GV các trường THPT vùng ĐBSCL về yêu cầu phẩm chất và năng lực HS đáp ứng Chương trình GDPT 2018. Cụ thể như sau:

- Nhận thức chung của CBQL và GV các trường THPT vùng ĐBSCL Đối với CBQL và tương tự GV, nhận thức về yêu cầu phẩm chất đạt mức “Khá thông hiểu” (lần lượt ĐTB là 2,62 và 2,55 > 2,51 điểm quy ước), song 2 con số ĐTB này xấp xỉ bằng 2,51 (tương ứng với mức nhận thức là “Thông hiểu”), cho nên kết quả ghi nhận đạt mức “Khá thông hiểu” trên đây là khá khiêm tốn.

+ Yêu cầu về các phẩm chất chủ yếu của HS THPT: Con số ĐTB chung phản ánh mức độ nhận thức của CBQL và GV về yêu cầu các phẩm chất chủ yếu cả hai khách thể khảo sát đều đạt “Khá thông hiểu” (ĐTB cả hai đều là 2,65 và > 2,51 điểm quy ước).

+ Yêu cầu về những năng lực chung của HS THPT: ĐTB chung phản ánh mức độ nhận thức của CBQL và GV về yêu cầu những năng lực chung là thấp nhất (lần lượt là 2,43 và 2,35) so với nội dung “5 phẩm chất chủ yếu” và “7 năng lực đặc thù” và < 2,51 điểm quy ước) → do

đó chỉ đạt mức nhận thức “Thông hiểu”. Trong số 3 năng lực chung đối với CBQL thì ghi nhận “*Năng lực tự chủ và tự học*” có ĐTB thấp nhất (2,27 nhỏ hơn nhiều so với 2,51 điểm quy ước); đối với GV thì “*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*” có ĐTB thấp nhất (2,22 nhỏ hơn nhiều so với 2,51 điểm quy ước). Kết quả này đặt ra yêu cầu, chủ thể quản lý cần có biện pháp khắc phục hiện tượng bất cập trên đây.

+ Yêu cầu về những năng lực đặc thù của HS THPT: ĐTB chung phản ánh mức độ nhận thức của CBQL và GV về yêu cầu những năng lực đặc thù lần lượt là 2,77 và 2,64 (cả hai đều < 2,51 điểm quy ước), do đó mức nhận thức “Khá thông hiểu”. Tuy nhiên trong số 7 năng lực đặc thù, khuyến nghị CBQL chú ý đến “*Năng lực thẩm mỹ*” vì ĐTB xấp xỉ 2,51 - điểm quy ước xếp mức nhận thức “Thông hiểu”; trong khi đó về phía ĐNGV chú trọng hơn hai “*Năng lực công nghệ*” và “*Năng lực tin học*”.

3.2. Thực trạng nhận thức vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ; đặc điểm hoạt động giáo dục hướng nghiệp; đặc điểm lao động sư phạm và đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp

3.2.1. *Thực trạng nhận thức vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Bảng 3. Kết quả nhận thức vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Nội dung nhận thức | Mức độ nhận thức của | | | | | |
|---|---|----------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Vị trí, vai trò | 3,68 | 0,5 | | 3,71 | 0,77 | |
| 2 | Chức năng, nhiệm vụ | | | | | | |
| 2.1 | Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò hoạt động GDHN và định hướng phân luồng HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ | 3,25 | 0,82 | 3 | 3,30 | 0,63 | 3 |
| 2.2 | Quán triệt tinh thần Đề án “GDHN và định hướng phân luồng HS trong GDPT giai đoạn 2018 - 2025” . . . | 2,78 | 0,49 | 5 | 2,9 | 0,36 | 5 |
| 2.3 | Giảng dạy, GDHN cần phải bám sát Chương trình GDPT 2018 đối với cấp THPT | 2,66 | 0,52 | 8 | 3,05 | 0,53 | 4 |
| 2.4 | Đổi mới nội dung GDHN thông qua các môn học và hoạt động giáo dục | 3,40 | 0,65 | 1 | 3,35 | 0,24 | 2 |
| 2.5 | Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các cơ sở GDNN trong hoạt động GDHN | 2,73 | 0,59 | 6 | 2,68 | 0,58 | 7 |
| 2.6 | Tăng cường mời các nhà khoa học, các nhà quản lý, các doanh nhân. . . | 2,68 | 0,69 | 7 | 2,81 | 0,4 | 6 |
| 2.7 | Chủ động bồi dưỡng chuyên môn, thường xuyên cập nhật những ngành nghề mới xuất hiện | 3,38 | 0,68 | 2 | 3,40 | 0,46 | 1 |
| 2.8 | Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, gìn giữ phẩm chất nhà giáo, danh dự và uy tín cá nhân | 3,03 | 0,82 | 4 | 2,23 | 0,42 | 8 |
| ĐTB chung nhận thức chức năng, nhiệm vụ | | 2,98 | | | 2,96 | | |
| ĐTB chung nhận thức vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người GV thực hiện GDHN | | 3,33 | | | 3,35 | | |

Kết quả khảo sát với ý kiến đánh giá của CBQL có ĐTB là 3,18, GV đánh giá với ĐTB là 3,19. Về vị trí, vai trò của GV GDHD được đánh giá mức độ cần thiết và rất cần thiết với hoạt động GDHN trong đó với CBQL đánh giá với ĐTB là 2,98, GV đánh giá với ĐTB là 2,96.

Đánh giá về nhận thức vị trí, vai trò của người GV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đều được CBQL, GV đánh giá với ĐTB lần lượt là 3,68 và 3,71 (*mức độ thông hiểu sâu sắc*).

Đánh giá về nhận thức chức năng, nhiệm vụ của người GV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đều được CBQL, GV đánh giá với ĐTB lần lượt là 2,98 và 2,96 (*mức độ khá thông hiểu*).

Đối với CBQL, đánh giá về chức năng, nhiệm vụ của người GV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đều được CBQL, GV đánh giá với ĐTB là 2,98 (*mức độ thông hiểu sâu sắc*). Chủ động bồi dưỡng chuyên môn, thường xuyên cập nhật những ngành nghề mới xuất hiện” được đánh giá qua ĐTB khá ấn tượng >3,25. Các tiêu chí khác được đánh giá mức độ “khá thông hiểu”.

Như vậy, đa số CBQL, GV đánh giá cao về nhận thức vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người GV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL ở mức độ cần thiết và rất cần thiết. Đây là tiền đề để hiệu trưởng các trường nâng cao chất lượng, phát triển ĐNGV GDHN.

3.2.2. *Nhận thức đặc điểm hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Bảng 4. Kết quả nhận thức đặc điểm hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Nội dung nhận thức | Mức độ nhận thức của | | | | | |
|------------------|---|----------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Chương trình GDPT 2018 cấp THPT là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12) | 3,40 | 0,73 | 1 | 3,38 | 0,72 | 1 |
| 2 | Các môn học thể hiện rõ vai trò về GDHN là các môn Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | 3,32 | 0,58 | 3 | 3,30 | 0,57 | 3 |
| 3 | Khắc phục sự chông lán giữa các môn | 3,36 | 0,45 | 2 | 3,32 | 0,49 | 2 |
| 4 | Chuyển sang phát triển phẩm chất năng lực | 3,28 | 0,47 | 5 | 3,25 | 0,38 | 5 |
| 5 | Coi trọng trải nghiệm sáng tạo | 3,30 | 0,64 | 4 | 3,26 | 0,38 | 4 |
| 6 | Giúp học sinh hứng thú hơn với học tập | 2,90 | 0,45 | 6 | 2,99 | 0,48 | 6 |
| ĐTB chung | | 3,30 | | | 3,25 | | |

Kết quả khảo sát về nhận thức và hoạt động GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đáp ứng Chương trình GDPT 2018 được đánh giá với ĐTB lần lượt của hai nhóm khách thể khảo sát là 3,30; 3,25 (cả hai con số này đều $\geq 3,25$) biểu đạt nhận thức hoạt động GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đáp ứng Chương trình GDPT 2018 là “Thông hiểu sâu sắc”. Các môn học thể hiện rõ vai trò về GDHN là các môn Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Khắc phục sự chông lán giữa các môn” đều có ĐTB khá ấn tượng >3,25. Các tiêu chí còn lại cũng được nhận thức mức độ “Khá thông hiểu”.

Đối với ĐNGV, nhận thức về “Chương trình GDPT 2018 cấp THPT là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12); Các môn học thể hiện rõ vai trò về GDHN là các môn Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Khắc phục sự chông lán giữa các môn” đạt ĐTB >3,25, cho thấy mức độ nhận thức đều sâu sắc. Trong khi đó, cũng giống mức độ nhận thức của CBQL, nhận thức của GV về hoạt động GDHN cho HS các trường THPT đều phản ánh đúng về vị trí, vai trò của hoạt động GDHN cho HS các trường THPT với các tiêu chí đưa ra đều ở mức độ “Thông hiểu sâu sắc” và “Khá thông hiểu”.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số CBQL, GV nhận thức về hoạt động GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đáp ứng Chương trình GDPT 2018 đều được đánh giá ở mức độ cần thiết và rất cần thiết. Đây là tiền đề để hiệu trưởng các trường nâng cao chất lượng, phát triển ĐNGV thực hiện GDHN.

3.2.3. Nhận thức đặc điểm lao động sự phạm của người giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Bảng 5. Kết quả nhận thức đặc điểm lao động sự phạm của người giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Nội dung nhận thức | Mức độ nhận thức của | | | | | |
|------------------|--|----------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Mục đích lao động sự phạm là trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ để HS cấp THPT trở thành những người có đầy đủ phẩm chất và khả năng tự chủ trong cách lựa chọn ngành học và nghề nghiệp | 3,38 | 0,48 | 1 | 3,35 | 0,55 | 2 |
| 2 | Đối tượng lao động sự phạm hướng nghiệp cho HS cấp THPT chính là HS THPT | 3,29 | 0,71 | 3 | 3,28 | 0,56 | 3 |
| 3 | Công cụ lao động sự phạm hướng nghiệp cho cho HS cấp THPT bao gồm phổ kiến thức vừa rộng, vừa sâu và thành tố nhân cách của chính người GV | 3,26 | 0,73 | 4 | 3,22 | 0,32 | 4 |
| 4 | Sản phẩm của lao động sự phạm hướng nghiệp cho HS cấp THPT cũng chính là mô hình nhân cách người học đáp ứng đòi hỏi của xã hội được GV, nhà trường tiến hành dạy học, giáo dục | 3,36 | 0,74 | 2 | 3,39 | 0,65 | 1 |
| ĐTB chung | | 3,32 | | | 3,31 | | |

Tại Bảng 5, tác giả đưa ra 4 đặc điểm lao động sự phạm của người GV thực hiện GDHN. Kết quả ĐTB chung mức độ nhận thức của CBQL, GV là 3,32, và 3,31 biểu đạt nhận thức chung là “Thông hiểu sâu sắc”.

Theo CBQL, GV thì đặc điểm lao động sự phạm của người GV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT được thể hiện rõ rệt nhất là ở: “Mục đích lao động sự phạm là trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ để HS cấp THPT trở thành những người có đầy đủ phẩm chất và khả năng tự chủ trong cách lựa chọn ngành học và nghề nghiệp” với với ĐTB là 3,38 (Đánh giá của CBQL, Mức độ rất cần thiết), ĐTB là 3,35 (Đánh giá của GV, mức độ rất cần thiết).

Nội dung “Sản phẩm của lao động sư phạm hướng nghiệp cho HS cấp THPT cũng chính là mô hình nhân cách người học đáp ứng đòi hỏi của xã hội được GV, nhà trường tiến hành dạy học, giáo dục” được đánh giá có mức độ “rất cần thiết” với với ĐTB là 3,36 (Đánh giá của CBQL, Mức độ rất cần thiết), ĐTB là 3,39 (Đánh giá của GV, Mức độ rất cần thiết). Có thể thấy, sức lao động của GV biểu hiện nhiều ở mặt hoạt động trí óc cho nên sự tái sản xuất sức lao động không chỉ biểu thị bằng sự hồi phục sức khỏe cơ bắp mà quan trọng là sự hồi phục năng lực hoạt động trí tuệ.

Biến thiên của độ lệch chuẩn giữa các biến không quá lớn (nhỏ nhất bằng 0,32, lớn nhất là 0,74) điều này cho thấy ý kiến nhận xét là khá đồng đều.

Từ đặc điểm lao động của GV dạy GDHN đặt ra kỹ năng, năng lực cần có đối với GV dạy GDHN như cần có sự am hiểu sâu sắc về môn học được đào tạo và hiểu biết nhất định về các môn học khác trong nhà trường; Nắm chắc kiến thức về phương pháp dạy học và giáo dục; Khả năng phân tích, xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung của hoạt động dạy học và giáo dục; Khả năng dạy học tích hợp và phân hóa; Khả năng tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS phù hợp với đặc thù vùng miền của vùng ĐBSCL; Khả năng thực hiện linh hoạt chương trình dạy học và giáo dục; Khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giảng dạy các môn học, các chuyên đề tự chọn bám sát, nâng cao của bộ môn mình phụ trách và liên quan đến ngành nghề cần định hướng cho HS phù hợp với nhu cầu nhân lực của vùng ĐBSCL

3.2.4. Thực trạng đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Dạy học là nghề đặc biệt, khác biệt hoàn toàn với những ngành nghề khác, sản phẩm của nghề dạy học là con người - con người vừa có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu thời đại. Chính vì vậy, nhiệm vụ cao quý, cốt yếu là mỗi nhà giáo được trang bị và tu dưỡng rèn luyện có được hệ giá trị về phẩm chất và năng lực. Theo đó, tác giả tiến hành khảo sát 81 CBQL, 669 GV nhằm tìm thực trạng đáp ứng yêu cầu phẩm chất và năng lực của ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT đáp ứng Chương trình GDPT 2018. Kết quả thu được như sau:

Bảng 6. Kết quả đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của ĐNGV thực hiện GDHN | Mức độ ý kiến của | | | | | |
|---|--|-------------------|------|----|------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| Những yêu cầu về phẩm chất của người GV thực hiện GDHN | | | | | | | |
| 1.1 | Đạo đức nghề nghiệp | 2,29 | 0,82 | 3 | 2,14 | 0,46 | 3 |
| 1.2 | Nhiệt huyết với nghề dạy học, đam mê với nghề và làm việc với cái tâm trong sáng | 2,71 | 0,77 | 1 | 2,53 | 0,42 | 2 |
| 1.3 | Có trách nhiệm cao đối với HS, luôn ý thức tự học, rèn luyện nâng cao trình độ | 2,61 | 0,50 | 2 | 2,56 | 0,73 | 1 |
| Những yêu cầu về năng lực của người GV thực hiện GDHN | | | | | | | |
| 2.1 | Kiến thức chuyên môn vững vàng | 2,54 | 0,82 | 3 | 2,51 | 0,63 | 3 |
| 2.2 | Am hiểu sâu rộng các vấn đề khác trong đời sống xã hội | 2,66 | 0,52 | 1 | 2,61 | 0,36 | 1 |
| 2.3 | Kỹ năng giảng dạy, kỹ năng sư phạm | 2,18 | 0,49 | 4 | 2,14 | 0,24 | 4 |
| 2.4 | Kỹ năng giao tiếp | 2,66 | 0,65 | 1 | 2,58 | 0,53 | 2 |
| 2.5 | Kỹ năng sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục tích cực | 1,89 | 0,59 | 6 | 1,88 | 0,58 | 6 |

| TT | Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của ĐNGV thực hiện GDHN | Mức độ ý kiến của | | | | | |
|------------------|--|-------------------|------|----|-------------|-----|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 2.6 | Tinh thần tự học, tự rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm | 2,05 | 0,69 | 5 | 2,11 | 0,4 | 5 |
| ĐTB chung | | 2,43 | | | 2,35 | | |

Số liệu trên Bảng 6 phản ánh kết quả đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực của ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL theo Chương trình GDPT 2018 có ĐTB chung lần lượt của CBQL, GV tương ứng là 2,43 và 2,35 qua đây cho thấy:

Những yêu cầu về phẩm chất của người GV thực hiện GDHN được đánh giá cao nhất ở tiêu chí: “Nhiệt huyết với nghề dạy học, đam mê với nghề và làm việc với cái tâm trong sáng” với ĐTB là 2,71 (Đánh giá của CBQL), ĐTB là 2,53 (Đánh giá của GV).

Những yêu cầu về năng lực của người GV thực hiện GDHN được đánh giá cao nhất ở tiêu chí: “Am hiểu sâu rộng các vấn đề khác trong đời sống xã hội” đạt ĐTB là 2,66; trái lại đối với yêu cầu “Kỹ năng sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục tích cực” có ĐTB là 1,89 mức độ “trung bình” mức độ chênh lệch ĐTB so với tiêu chí cao nhất có ĐTB là 0,77 cho thấy, mức độ chênh lệch khá cao.

Hiện nay, GV ở các trường THPT không có hoặc có rất ít kiến thức về GDHN. GV còn nhầm lẫn giữa việc học các tiết kỹ thuật trong trường là GDHN. Nhiều trường không có GV chuyên trách, vì vậy những GV nào còn thiếu giờ dạy sẽ được phân bổ dạy môn GDHN. Bên cạnh đó, các trường sư phạm ở phía nam hầu như không đào tạo GV chuyên trách về GDHN, vì vậy nguồn GV chuyên về hướng nghiệp không có, dẫn tới việc hướng nghiệp cho HS sẽ không có chất lượng.

3.3. Thực trạng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp

3.3.1. *Thực trạng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Bảng 7. Kết quả đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Nội dung Chuẩn nghề nghiệp | Mức độ ghi nhận của | | | | | |
|------------------|---|---------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Phẩm chất nhà giáo | 2,78 | 0,59 | 1 | 2,96 | 0,77 | 1 |
| 2 | Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ | 2,18 | 0,78 | 4 | 2,15 | 0,48 | 3 |
| 3 | Xây dựng môi trường giáo dục | 2,72 | 0,59 | 2 | 2,79 | 0,73 | 2 |
| 4 | Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 2,17 | 0,69 | 5 | 2,05 | 0,84 | 5 |
| 5 | Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục | 2,21 | 0,79 | 3 | 2,08 | 0,73 | 4 |
| ĐTB chung | | 2,41 | | | 2,40 | | |

Tương tự các bảng trên đây, số liệu trên Bảng 7 chỉ rõ kết quả đáp ứng CNN của ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL theo Chương trình GDPT 2018, theo đó ĐTB chung của CBQL và GV lần lượt là 2,41 và 2,40 hai con số này biểu đạt đội ngũ CBQL

và GV được lấy ý kiến cho biết mức độ đáp ứng CNN của ĐNGV thực hiện GDHN đạt “Trung bình” một kết quả khá khiêm tốn về việc đáp ứng “Chuẩn nghề nghiệp” của ĐNGV thực hiện GDHN. Dưới đây xem xét kết quả ghi nhận của từng nhóm khách thể khảo sát:

Về đội ngũ CBQL, với 5 nội dung khảo sát trên Bảng 7, đối với nội dung “Chất lượng nhà giáo” có ĐTB là 2,78 cao hơn 4 nội dung còn lại, song cũng chỉ đạt mức độ đáp ứng “Khá” mà thôi; trong khi đó với nội dung “Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” có ĐTB là 2,17 theo quy ước đạt mức đáp ứng “Trung bình” thấp nhất trong 5 nội dung khảo sát.

Các con số trên Bảng 7 còn chỉ ra: Hai nội dung “Chất lượng nhà giáo” và “Xây dựng môi trường giáo dục” đạt mức độ đáp ứng “Khá” và ba nội dung còn lại “Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục”, “Phát triển nghiệp vụ chuyên môn” và “Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” chỉ đáp ứng CNN mức “Trung bình”.

Về ĐNGV, cũng với 5 nội dung trên Bảng 7, kết quả khá tương đồng với CBQL, cụ thể như sau: đối với nội dung “Chất lượng nhà giáo” có ĐTB là 2,96 cao hơn 4 nội dung còn lại và cũng chỉ đạt mức độ đáp ứng “Khá”; tương tự nội dung “Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” có ĐTB là 2,05 đạt mức đáp ứng “Trung bình” thấp nhất trong 5 nội dung khảo sát.

Các con số trên Bảng 7 cũng còn cho thấy: Hai nội dung “Chất lượng nhà giáo” và “Xây dựng môi trường giáo dục” đạt mức độ đáp ứng “Khá” và ba nội dung còn lại “Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục”, “Phát triển nghiệp vụ chuyên môn” và “Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội” chỉ đáp ứng CNN mức “Trung bình”.

Ghi nhận chung, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các ý kiến của CBQL, GV đều “Trung bình” và “Khá”. Trong đó, 2 nội dung khảo sát được ghi nhận đạt mức độ đáp ứng “Khá” về “Chất lượng nhà giáo” và “Xây dựng môi trường giáo dục”. Qua đây khuyến nghị chủ thể quản lý cần có giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại cho ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL đáp ứng CNN.

3.3.2. Thực trạng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Bảng 8. Kết quả đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

| TT | Nội dung tiêu chuẩn CDNN | Mức độ ghi nhận của | | | | | |
|------------------|--|---------------------|------|----|-------------|------|----|
| | | CBQL | | | GV | | |
| | | ĐTB | ĐLC | TH | ĐTB | ĐLC | TH |
| 1 | Nhiệm vụ nhà giáo | 2,58 | 0,52 | 3 | 2,62 | 0,74 | 2 |
| 2 | Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp | 3,4 | 0,64 | 1 | 3,35 | 0,62 | 1 |
| 3 | Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng | 2,66 | 0,75 | 2 | 2,55 | 0,79 | 4 |
| 4 | Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ | 2,56 | 0,77 | 4 | 2,58 | 0,68 | 3 |
| ĐTB chung | | 2,80 | | | 2,77 | | |

Với các nội dung khảo sát trên Bảng 8 cho thấy, kết quả đáp ứng Chuẩn CDNN của ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL theo Chương trình GDPT 2018 được đánh giá mức độ đáp ứng “Trung bình” và “Khá”. Với ý kiến ghi nhận của CBQL có ĐTB là 2,80 (Mức độ đáp ứng “Khá”), trong đó ghi nhận của ĐNGV có ĐTB thấp hơn là

2,77 (Mức độ đáp ứng cũng đạt “Khá”). Đối với ĐNGV, nội dung “Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp” có ĐTB là 3,35 phản ánh đạt mức độ đáp ứng chuẩn CDNN của ĐNGV là “Tốt”; trái lại đối với nội dung “Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng” và “Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ” đạt mức độ đáp ứng “Khá”.

Mặt khác, con số độ lệch chuẩn giữa các biến trên Bảng 8 là không quá lớn, qua đây phản ánh hầu hết GV đạt mức độ đáp ứng “Khá” và “Tốt” so với CNN trên Bảng 7. Kết quả đáp ứng CNN của ĐNGV thực hiện GDHN cho HS các trường THPT vùng ĐBSCL theo Chương trình GDPT 2018.

4. Kết luận

Từ thực tiễn khảo sát tại các trường THPT trong vùng ĐBSCL cho thấy: Trong bối cảnh hiện nay, ĐNGV hầu hết kiêm nhiệm (không có chuyên môn GDHN). Từ đó, giải pháp phát triển ĐNGV thực hiện GDHN cho HS đáp ứng Chương trình GDPT 2018 là rất cần thiết và cấp bách; Cần có giải pháp thông hiểu đầy đủ hơn nữa về đặc điểm và yêu cầu phẩm chất, năng lực của HS; Cần bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV về vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ ĐNGV thực hiện GDHN cho HS; Phát triển ĐNGV thực hiện GDHN cho HS cần vận dụng lý thuyết phát triển nguồn nhân lực của Leonard Nadler, đồng thời bám sát Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT.

Tài liệu tham khảo

- Abubakar, I. A. (2018). Career guidance, participation of students and its implication for Kano, Nigeria. *MOJES: Malaysian Online Journal of Educational Sciences*, 1(3), 14-19.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT, Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục. Ban hành ngày 23 tháng 5 năm 2022*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Tài liệu hội nghị phát triển giáo dục và đào tạo vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngày 27/02/2023 tại Cần Thơ*.
- Đặng, D. A. (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Nadler, L., & Nadler, Z. (1989). *Developing Human Resources: Concepts and a Model (Jossey Bass Business & Management Series), 3rd Edition*. Publisher: Jossey-Bass.
- Trần, Đ. N. (2023). Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học phổ thông Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học, Đại học Thái Nguyên*, 228(4), 200-208.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”, Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ*.